

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/DS-ST
Ngày: 16-12-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy P (Tên thường gọi: Nhâm), sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Ngô Thanh T (Tên thường gọi: Phương), sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:

Do là chỗ quen biết nên anh P có cho anh Ngô Thanh T vay số tiền 48.000.000 đồng trong 04 lần. Cụ thể như sau:

Lần 1, ngày 16/01/2016, vay 7.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 70.000

đồng/1.000.000 đồng/tháng, hạn 01 tháng sau trả vốn. Sau khi vay, anh T trả lãi được 02 tháng.

Lần 2, ngày 29/3/2016, vay 8.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn. Sau khi vay, anh T trả lãi được 04 tháng.

Lần 3, ngày 20/11/2018, vay 19.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, hạn vài tháng sau trả vốn. Sau khi vay, anh T không trả lãi.

Lần 4, ngày 25/4/2020, vay 14.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn. Sau khi vay, anh T không trả lãi.

Cả 03 lần vay đầu tiên anh T đều có làm văn bản viết tay trên giấy tập học sinh với tên thường gọi là Phương và ký tên Phương, còn tên anh P trong văn bản là Nhâm. Riêng lần vay thứ 4, anh T không viết biên nhận. Do nợ kéo dài đã lâu nên anh P khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho anh số tiền 48.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, anh P không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Ngô Thanh T trình bày:

Anh T chỉ thừa nhận vay của anh P số tiền 19.000.000 đồng trong 03 lần. Lần 1 và lần 2 đúng thời gian, số tiền và lãi suất như anh P trình bày. Anh T thừa nhận việc anh đã viết giấy nợ như anh P đã cung cấp. Tuy nhiên, riêng lần 3, anh T chỉ vay 4.000.000 đồng, cộng với số tiền trong 02 lần vay trước chưa trả được thành 19.000.000 đồng và viết giấy nợ ngày 20/11/2018. Anh T đã yêu cầu anh P hủy bỏ 02 giấy ngày 16/01/2016 và ngày 29/3/2016. Nên thực tế anh T chỉ nợ anh P số tiền 19.000.000 đồng. Đối với số tiền 14.000.000 đồng anh P trình bày anh T vay vào ngày 25/4/2020, anh T không đồng ý, vì anh không vay thêm tiền của anh P vào thời gian này. Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P, anh T chỉ đồng ý trả cho anh P số tiền 19.000.000 đồng, bằng cách trả dần, 06 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra, anh T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 14.000.000 đồng của lần vay thứ tư vào ngày 25/4/2020. Anh P chỉ yêu cầu anh T trả số tiền 34.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh T giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về số tiền 14.000.000 đồng, đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P về việc buộc anh T trả cho anh P số tiền 34.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Duy P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 14.000.000 đồng vào ngày 25/4/2020. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P: Anh P yêu cầu anh T phải trả cho anh số tiền vay còn nợ là 34.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh P cung cấp 03 Văn bản viết tay trên giấy tập học sinh lần lượt các ngày 16/01/2016, 29/3/2016, 20/11/2018, thể hiện số tiền 7.000.000 đồng, 8.000.000 đồng, 19.000.000 đồng, tổng cộng là 34.000.000 đồng; tên khi giao dịch giữa hai bên là tên thường gọi Phương (Truyền) và Nhâm (Phong). Anh T thừa nhận 03 Văn bản anh P cung cấp là do anh T viết và ký tên Phương vào. Tuy nhiên, anh T chỉ thừa nhận vay của anh P số tiền 19.000.000 đồng, số tiền trong văn bản ngày 16/01/2016 và ngày 29/3/2016 đã được cộng dồn vào văn bản ngày 20/11/2018. Mặc dù vậy, anh T không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của anh và đồng thời lời trình bày của anh không được anh P thừa nhận. Dựa theo các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền giữa anh P và anh T là có thật. Do đó, anh P yêu cầu anh T trả số tiền 34.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Anh T yêu cầu được trả dần số nợ 19.000.000 đồng bằng cách trả dần, 06 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được anh P đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa

vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc anh T chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận khi vay cao hơn lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, anh P không có yêu cầu tính lãi liên quan hợp đồng vay, anh T không có yêu cầu đối với số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh P được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

Buộc anh Ngô Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền 34.000.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P về việc buộc anh Ngô Thanh T trả số tiền 14.000.000 đồng. Anh P được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại đối với nội dung này theo quy định của pháp luật.

3. Án phí:

Anh Ngô Thanh T phải nộp 1.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Duy P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 0008023 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm